

Số: 62/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018
(Nguồn vốn xổ số kiến thiết)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Thực hiện Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của HĐND tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Trà Vinh;

Trên cơ sở Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020;

Trên cơ sở Công văn số 8759/BKHĐT-TH ngày 25/10/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018;

Xét Tờ trình số 4229/TTr-UBND ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (Nguồn vốn xổ số kiến thiết); báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (Nguồn vốn xổ số kiến thiết), cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn là: 1.056,795 tỷ đồng (*Một ngàn không trăm năm mươi sáu tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu đồng*), trong đó:

1. Nguồn thu từ xổ số kiến thiết năm 2018: 850 tỷ đồng (*Tám trăm năm mươi tỷ đồng*), phân bổ chi tiết cụ thể như sau:

a) Chuẩn bị đầu tư: 20 tỷ đồng (*Hai mươi tỷ đồng*).

b) Các công trình có thông tri quyết toán hoàn thành và công trình hoàn thành nợ đọng XDCCB: 10 tỷ đồng (Mười tỷ đồng).

c) Thực hiện dự án: 820 tỷ đồng (Tám trăm hai mươi tỷ đồng).

- Lĩnh vực y tế và giáo dục - đào tạo, dạy nghề: 263,5 tỷ đồng, gồm:

+ Lĩnh vực y tế: 85,5 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề: 178,0 tỷ đồng.

- Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 107,2 tỷ đồng, gồm:

+ Hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới: 100 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ Hợp tác xã: 7,2 tỷ đồng.

- Các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP: 449,3 tỷ đồng.

2. Nguồn vượt thu xô số kiến thiết năm 2016: 206,795 tỷ đồng (Hai trăm lẻ sáu tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu đồng), phân bổ chi tiết cụ thể như sau:

- Lĩnh vực y tế: 120,7 tỷ đồng; bố trí cho 02 dự án.

- Phúc lợi - Xã hội: 86,095 tỷ đồng.

(Đính kèm Phụ lục phân bổ chi tiết)

Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; Ban Kinh tế - Ngân sách và đại biểu HĐND tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa IX - kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 08/12/2017./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: TC, KH và ĐT;
- TT. TƯ, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH và ĐT, TC, XD, KBNN,
Cục thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Trí Dũng



PHỤ LỤC 01

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT)

Kiểm tra Nghị quyết số: 62/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ						2.964.255	1.514.786	1.720.505	415.772	850.000	
A	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ								30.000	10.000	20.000	
B	CÁC CÔNG TRÌNH CÓ THÔNG TRI QUYẾT TOÁN HOÀN THÀNH VÀ CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH NỢ ĐONG XDCB								50.000	13.000	10.000	
C	THỰC HIỆN DỰ ÁN						2.964.255	1.514.786	1.640.505	392.772	820.000	
I	Lĩnh vực Y tế và Giáo dục - đào tạo, dạy nghề						843.451	623.487	582.900	231.472	263.500	
1	Y tế						450.915	287.951	174.900	62.100	85.500	
(1)	Dự án chuyển tiếp						365.609	270.145	160.000	62.100	70.600	
1	Mở rộng bệnh viện Đa khoa huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2)	Trà Cú	BQLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	130 giường	2015-2019	1757/QĐ-UBND 29/10/2014	234.000	138.536	50.000	18.000	30.000	Đôi ứng vốn NSTW (Hoàn thành giai đoạn 1 trong phân kỳ đầu tư của dự án)
2	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa huyện Cầu Kè	Cầu Kè	Sở Y tế	Nâng cấp, mở rộng	2017-2019	2382/QĐ-UBND 31/10/2016	12.000	12.000	10.000	8.400	600	Nhu cầu dự án hoàn thành
3	<i>Tạm ứng kế hoạch vốn 2016 - 2020 để triển khai trước các dự án bức xúc (vốn ODA do Bộ Y tế quản lý)</i>						119.609	119.609	100.000	35.700	40.000	Tạm ứng Kế hoạch các năm thực hiện (Đăng ký vốn ODA thuộc Bộ Y tế quản lý khi được Trung ương bố trí vốn thu hồi hoàn trả NST)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
-	Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải	thị trấn Long Thành	Sở Y tế	50 giường	2016-2020	681/QĐ-UBND 29/3/2016	119.609	119.609	100.000	35.700	40.000	
(2)	Dự án khởi công mới năm 2018						85.306	17.806	14.900	-	14.900	
1	Cải tạo Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Trà Vinh	TPTV	Sở Y tế	cấp III	2018-2020	312/QĐ-SKHĐT 30/10/2017	1.283	1.283	1.200		1.200	
2	Cải tạo Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Trà Vinh	TPTV	Sở Y tế	cấp III	2018-2020	310/QĐ-SKHĐT 30/10/2017	1.268	1.268	1.200		1.200	
3	Cung cấp trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa khu vực Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Tiểu Cần	Sở Y tế	TTB	16 tháng kể từ ngày ký Hiệp định	1578/QĐ-UBND 20/8/2010; 2372/QĐ-UBND 21/12/2015	82.755	15.255	12.500		12.500	Đổi ứng vốn ODA Hàn Quốc
2	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề						392.536	335.536	408.000	169.372	178.000	
(1)	Dự án chuyển tiếp sang năm 2018						344.392	290.392	368.900	169.372	144.900	
1	Trường Tiểu học Dân Thành A, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải	thị xã Duyên Hải	UBND thị xã Duyên Hải	Cấp III	2017-2019	2360/QĐ-UBND 28/10/2016	6.683	6.683	6.000	2.500	3.400	
2	Nhà làm việc các khoa, nhà hiệu bộ, nhà xe, hàng rào - Trường Chính trị tỉnh Trà Vinh	Châu Thành	Trường Chính trị	Cấp III	2017-2019	2386/QĐ-UBND, 31/10/2016	12.938	12.938	11.000	4.500	6.500	
3	Khởi nhà học 04 tầng Trường thực hành sư phạm	TPTV	Trường Đại học Trà Vinh	Cấp III	2016-2018	678/QĐ-UBND 29/3/2016	24.273	24.273	8.000		2.700	Năm 2016 - 2017 phân bổ từ nguồn vốn NSDP
4	Mua sắm trang thiết bị Khu thực hành Y khoa	TPTV	Trường Đại học Trà Vinh	Mua sắm thiết bị y khoa	2016-2018	643/QĐ-UBND, 28/3/2016	37.819	37.819	36.000	32.701	3.000	Nhu cầu dự án hoàn thành
5	Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Trà Vinh	TPTV	Trường Cao đẳng Y tế	cấp III	2017-2019	2351/QĐ-UBND, 28/10/2016	9.000	9.000	7.500	4.500	3.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
6	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú - Trung học phổ thông tỉnh Trà Vinh	TPTV	BQLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Cấp II	2016-2019	683/QĐ-UBND, 30/3/2016	70.000	16.000	4.500		4.500	Đối ứng vốn NSTW (NST năm 2016, 2017 bỏ trị từ nguồn cân đối NSDP)
7	Đề án mầm non 5 tuổi trên địa bàn tỉnh						14.206	14.206	12.000	8.781	3.200	
-	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 5 tuổi trên địa bàn huyện Cầu Ngang (khối 20 phòng học)	Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	cấp III	2016-2018	671/QĐ-UBND 29/3/2016	14.206	14.206	12.000	8.781	3.200	
8	Đề án mầm non 5 tuổi trên địa bàn tỉnh (giai đoạn 2)	Toàn tỉnh					62.717	62.717	55.000	21.500	32.200	
-	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn huyện Cầu Ngang (khối 05 phòng học + 06 phòng chức năng) - giai đoạn 2	Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	cấp III	2017-2019	2358/QĐ-UBND 28/10/2016	8.147	8.147	7.500	3.000	4.200	
-	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn huyện Duyên Hải (Khối 14 phòng học, 19 phòng chức năng) - giai đoạn 2	Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	cấp III	2017-2019	2400/QĐ-UBND 31/10/2016	13.423	13.423	12.000	4.500	7.200	
-	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 5 tuổi trên địa bàn huyện Tiểu Cần (khối 26 phòng học) - giai đoạn 2	Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	cấp III	2017-2019	2355/QĐ-UBND, 28/10/2016	20.822	20.822	17.000	6.000	11.000	
-	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn huyện Càng Long (khối 17 phòng học) - giai đoạn 2	Càng Long	UBND huyện Càng Long	cấp III	2017-2019	2356/QĐ-UBND, 28/10/2016	11.462	11.462	10.000	4.000	6.000	
-	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 5 tuổi trên địa bàn thị xã Duyên Hải (giai đoạn 2)	thị xã Duyên Hải	UBND thị xã Duyên Hải	cấp III	2017-2019	2390/QĐ-UBND 31/10/2016	8.863	8.863	8.500	4.000	3.800	Nhu cầu dự án hoàn thành
9	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn tỉnh (giai đoạn 2)	Toàn tỉnh					87.614	87.614	78.000	31.500	43.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
-	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Trà cú (khối 22 phòng học và 02 phòng chức năng) – giai đoạn 2	Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	cấp III	2017-2019	2361/QĐ-UBND 28/10/2016	11.320	11.320	12.000	5.000	5.500	Do dự án duyệt tổng mức đầu tư thấp hơn so với dự kiến tại NQ 22 HĐND tỉnh
-	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Cầu Kè (giai đoạn 2)	Cầu Kè	UBND huyện cầu Kè	cấp III	2017-2019	2387/QĐ-UBND 31/10/2016	21.143	21.143	18.000	7.000	10.000	Nhu cầu dự án hoàn thành
-	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Duyên Hải (Khối 18 phòng học, 03 phòng chức năng) – giai đoạn 2	Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	cấp III	2017-2019	2401/QĐ-UBND 31/10/2016	10.447	10.447	9.000	4.000	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, Trung học cơ sở xuống cấp trên địa bàn huyện Tiểu Cần (khối 24 phòng học, khối 12 phòng chức năng) - giai đoạn 2	Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	cấp III	2017-2019	2365/QĐ-UBND 28/10/2016	19.000	19.000	16.000	6.000	10.000	
-	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng các Trường Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Châu Thành (Khối 12 phòng học và 42 phòng chức năng) – giai đoạn 2	Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	cấp III	2017-2019	2366/QĐ-UBND 28/10/2016	19.439	19.439	16.500	6.000	10.500	
-	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã Duyên Hải (khối 16 phòng học) – giai đoạn 2	TX. Duyên Hải	UBND thị xã Duyên Hải	cấp III	2017-2019	2367/QĐ-UBND 28/10/2016	6.265	6.265	6.500	3.500	2.000	Nhu cầu dự án hoàn thành
10	<i>Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường THPT trên địa bàn tỉnh (giai đoạn 2)</i>	Toàn tỉnh					19.142	19.142	16.400	9.000	7.400	
-	Nâng cấp, cải tạo THPT Tập Sơn, huyện Trà Cú	Trà Cú	Sở Giáo dục và Đào tạo	cấp IV	2017-2019	2393/QĐ-UBND 31/10/2016	7.423	7.423	6.300	3.000	3.300	
-	Nâng cấp, mở rộng Trường Trung học phổ thông Hồ Thị Nhâm, huyện Càng Long	Càng Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cấp III	2017-2019	337/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	4.962	4.962	4.300	3.000	1.300	
-	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung học phổ thông Hòa Minh, huyện Châu Thành	Châu Thành	Sở Giáo dục và Đào tạo	cấp IV	2017-2019	2385/QĐ-UBND 31/10/2016	6.757	6.757	5.800	3.000	2.800	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
11	<i>Đổi ứng các công trình trường có vốn tài trợ từ vốn nước ngoài</i>								15.000	6.890	3.000	
12	<i>Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện san lấp mặt bằng, nâng cấp, sửa chữa nhỏ các trường học đạt chuẩn chuẩn quốc gia</i>								119.500	47.500	33.000	Bao gồm Bồi thường GPMB các điểm trường để đầu tư mở rộng đạt chuẩn quốc gia
-	Huyện Càng Long								15.000	6.000	4.000	
-	Huyện Cầu Kè								15.000	6.000	4.000	
-	Huyện Cầu Ngang								15.000	6.000	4.000	
-	Huyện Châu Thành								15.000	6.000	4.000	
-	Huyện Duyên Hải								15.000	6.000	4.000	
-	Huyện Tiểu Cần								15.000	6.000	4.000	
-	Huyện Trà Cú								15.000	6.000	4.000	
-	Thành phố Trà Vinh								7.500	3.000	2.500	
-	Thị xã Duyên Hải								7.000	2.500	2.500	
(2)	Dự án khởi công mới năm 2018						48.144	45.144	39.100	-	33.100	
1	Cải tạo, nâng cấp Hội trường, nhà thi đấu đa năng Trường Cao đẳng nghề Trà Vinh	TPTV	Trường Cao đẳng nghề Trà Vinh	cấp IV	2017-2019	2083/QĐ-UBND 31/10/2017	6.400	6.400	5.500		5.500	
2	<i>Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường THPT trên địa bàn tỉnh (giai đoạn 2)</i>						33.244	33.244	28.100	-	22.100	
-	Nâng cấp, cải tạo THPT Phong Phú, huyện Cầu Kè	Cầu Kè	Sở Giáo dục và Đào tạo	cấp III	2017-2019	291/QĐ-SKHĐT 27/10/2017	3.862	3.862	3.500		2.500	
-	Nâng cấp, cải tạo THPT Long Hữu, huyện Duyên Hải	TX Duyên Hải	Sở Giáo dục và Đào tạo	cấp III	2017-2019	290/QĐ-SKHĐT 27/10/2017	3.946	3.946	3.500		2.500	
-	Nâng cấp, cải tạo THPT Hiếu Từ, huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	Sở Giáo dục và Đào tạo	cấp III	2017-2019	289/QĐ-SKHĐT 27/10/2017	2.558	2.558	2.000		2.000	

7

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
-	Nâng cấp, cải tạo THPT Long Hiệp, huyện Trà Cú	Trà Cú	Sở Giáo dục và Đào tạo	cấp III	2017-2019	283/QĐ-SKHĐT 23/10/2017	2.605	2.605	2.000		2.000	
-	Nâng cấp, cải tạo THPT Nguyễn Đăng, huyện Càng Long	Càng Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	cấp III	2017-2019	2074/QĐ-UBND 31/10/2017	9.177	9.177	7.500		5.000	
-	Nâng cấp, cải tạo THPT Duyên Hải, thị xã Duyên Hải.	TX Duyên Hải	Sở Giáo dục và Đào tạo	cấp III	2017-2019	2081/QĐ-UBND 31/10/2017	6.459	6.459	6.000		4.500	
-	Nâng cấp, cải tạo THPT Trà Cú, huyện Trà Cú	Trà Cú	Sở Giáo dục và Đào tạo	cấp III	2017-2019	288/QĐ-SKHĐT 27/10/2017	2.057	2.057	1.600		1.600	
-	Nâng cấp, cải tạo THPT Long Khánh, huyện Duyên Hải	Duyên Hải	Sở Giáo dục và Đào tạo	cấp III	2017-2019	285/QĐ-SKHĐT 24/10/2017	2.580	2.580	2.000		2.000	
3	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện						8.500	5.500	5.500	-	5.500	
-	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở xuống cấp trên địa bàn thành phố Trà Vinh – giai đoạn 2	TPTV	BQL DA thành phố Trà Vinh	cấp III	2017-2019	4220/QĐ-UBND 30/10/2017	8.500	5.500	5.500		5.500	Theo Công văn số 2357/UBND-CN XD 26/6/2017
II	Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới						-	-	385.100	100.000	107.200	
1	Hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới								357.500	100.000	100.000	
1.1	Huyện Càng Long								-	-	13.000	
-	Xã An Trường										1.500	Trong đó bổ sung XSKT 464 triệu đồng do giảm 464 triệu đồng NSTW bù cho xã Mỹ Cẩm phân bổ vượt KH trung hạn NSTW 2016-2020
-	Xã Nhị Long Phú										1.000	Trong đó khen thưởng công trình phúc lợi 01 tỷ đồng theo QĐ số 2171/QĐ-TTg ngày 03/12/2015

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
-	Xã Mỹ Cẩm										1.000	
-	Xã Tân Bình										1.000	
-	Xã An Trường A										1.000	
-	Xã Đại Phước										1.000	
-	Xã Đức Mỹ										6.500	
1.2	Huyện Cầu Kè										11.000	
-	Xã An Phú Tân										1.000	Trong đó bổ sung XSKT 223 triệu đồng do giảm 223 triệu đồng NSTW bù cho xã Châu Diên phân bổ vượt KH trung hạn NSTW 2016-2020
-	Xã Ninh Thới										1.000	
-	Xã Thanh Phú										1.000	
-	Xã Thông Hòa										3.000	
-	Xã Tam Ngãi										5.000	
1.3	Huyện Cầu Ngang										18.500	
-	Xã Hiệp Mỹ Đông										2.000	
-	Xã Vinh Kim										3.000	
-	Xã Mỹ Long Bắc										2.000	
-	Xã Mỹ Long Nam										1.000	
-	Xã Thuận Hòa										2.500	Trong đó bổ sung XSKT 1.593 triệu đồng do giảm 1.593 triệu đồng NSTW bù cho xã Kim Hòa phân bổ vượt KH trung hạn NSTW 2016-2020
-	Xã Hiệp Mỹ Tây										7.000	
-	Xã Hiệp Hòa										1.000	
1.4	Huyện Châu Thành										9.000	
-	Xã Hưng Mỹ										1.000	
-	Xã Hòa Minh										1.000	
-	Xã Thanh Mỹ										1.000	
-	Xã Lương Hòa A										3.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
-	Xã Nguyệt Hóa											
-	Xã Hòa Thuận										1.000	
											2.000	
1.5	Huyện Duyên Hải											
-	Xã Đông Hải										6.500	
-	Xã Long Khánh										1.000	
-	Xã Long Vĩnh										1.000	
											4.500	
1.6	Huyện Tiểu Cần											
-	Xã Phú Cần										19.500	
-	Xã Tập Ngãi										2.000	
-	Xã Hiếu Trung										2.000	
-	Xã Hiếu Tử										1.000	
-	Xã Long Thới										1.000	
-	Xã Tân Hòa										1.000	Trong đó bổ sung XSKT 1.000 tr.đ do giảm 2.594 tr.đ NSTW bù cho xã Hiếu Tử phân bổ vượt KH trung hạn NSTW 2016-2020
-	Xã Tân Hùng										1.000	
-	Xã Hùng Hòa										1.000	
-	Xã Ngãi Hùng										1.000	
-	Huyện nông thôn mới										8.500	
1.7	Huyện Trà Cú											
-	Xã Tân Sơn										10.500	
-	Xã Ngọc Biên										1.000	
-	Xã Tập Sơn										1.000	
-	Xã Lưu Nghiệp Anh										1.000	
-	Xã Đại An										2.000	
-	Xã Định An										4.500	
											1.000	
1.8	Thị xã Duyên Hải										10.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
-	Xã Long Hữu										3.000	Trong đó bổ sung XSKT 1.707 triệu đồng do giảm 1.707 triệu đồng NSTW bù cho xã Long Toàn phân bổ vượt KH trung hạn NSTW 2016-2020
-	Xã Dân Thành										2.000	
-	Xã Trường Long Hòa										2.000	
-	Xã Long Toàn										1.000	
-	Xã Hiệp Thạnh										2.000	
1.9	Thành phố Trà Vinh										2.000	
-	Xã Long Đức										2.000	Trong đó khen thưởng công trình phúc lợi 01 tỷ đồng theo QĐ số 720/QĐ-TTg ngày 15/5/2014
2	Hỗ trợ Hợp tác xã	trên địa bàn tỉnh		46 HTX					27.600		7.200	Tính quản lý, khi đủ điều kiện phân bổ chi tiết sau (Hỗ trợ 600 triệu đồng/01 HTX)
III	Các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP						2.120.804	891.299	672.505	61.300	449.300	
(1)	Dự án chuyển tiếp sang năm 2018						513.508	203.695	223.790	61.300	72.490	
1	Cầu, đường giao thông nông thôn liên xã An Trường, Tân Bình và Huyền Hội, huyện Càng Long	Càng Long	UBND huyện Càng Long	Cấp VI	2013-2018	1918/QĐ-UBND 25/10/2012	74.991	74.991	50.000	30.000	14.500	Nhu cầu dự án hoàn thành
2	Đường giao thông vào Trung tâm cụm Sóc Cầu, huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	Cấp IV	2016-2018	645/QĐ-UBND, 28/3/2016	38.756	38.756	33.000	28.000	4.000	Nhu cầu dự án hoàn thành
3	Nhà bia ghi tên liệt sĩ các xã/thị trấn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	các huyện	Sở Lao động, thương binh và Xã hội	33 nhà bia	2017-2019	2395/QĐ-UBND 31/10/2016	17.325	10.725	9.900	3.300	6.600	Hỗ trợ 500 triệu đồng/01 nhà bia (trong đó vốn TW ủy quyền 200 triệu đồng)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Dự án di dân sạt lở áp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành	Châu Thành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	26.509m ²	2015-2017	1705/QĐ-UBND 23/10/2014	28.043	28.043	3.000		1.000	Nhu cầu dự án hoàn thành (Năm 2016 - 2017 phân bổ từ nguồn vốn NSDP)
5	Nâng cấp hệ thống đê biển Trà Vinh (giai đoạn II)	Cầu Ngang, Duyên Hải, TX Duyên Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trồng mới 292ha; bảo vệ; chăm sóc	2016-2020	1835/QĐ-UBND 30/10/2015; 685/QĐ-UBND 30/3/2016	349.800	49.800	15.000		5.000	Đổi ứng vốn NSTW (Năm 2016 - 2017 phân bổ từ nguồn vốn NSDP)
6	Đầu tư xây dựng và phát triển rừng bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2014-2015	Tỉnh Trà Vinh	Sở TN&MT			1919/QĐ-UBND, 15/10/2013	4.593	1.380	890		890	Đổi ứng vốn NSTW
7	<i>Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông nông thôn</i>											
7.1	Huyện Càng Long								14.000		5.000	
7.2	Huyện Cầu Kè								14.000		5.000	
7.3	Huyện Cầu Ngang								14.000		5.000	
7.4	Huyện Châu Thành								14.000		5.000	
7.5	Huyện Duyên Hải								14.000		5.000	
-	Xây dựng đường đan áp Tà Rom B, xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	xã Đôn Châu	Phòng KT-HT	Đường đan GTNT	2017-2018							
-	Xây dựng đường đan áp Ba Sát, ấp La Bang chợ, xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	xã Đôn Châu	Phòng KT-HT	Đường đan GTNT	2017-2018							
-	Đường đan phục vụ sản xuất xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	xã Đôn Châu	Phòng KT-HT	Đường đan GTNT	2017-2018							
7.6	Huyện Tiểu Cần								14.000		5.000	
7.7	Huyện Trà Cú								14.000		5.000	
7.8	Thị xã Duyên Hải								8.000		3.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7.9	Thành phố Trà Vinh								6.000		2.500	
(2)	Dự án khởi công mới năm 2018						1.607.296	687.604	448.715	-	323.060	
1	Sân vận động (mới) tỉnh Trà Vinh	TPTV	Sở VH TTDL	Hạ tầng kỹ thuật	2018-2019	2076/QĐ-UBND 31/10/2017	34.364	34.364	34.000		34.000	Thực hiện địa điểm mới
2	Mua sắm và lắp đặt máy phát thanh FM 10KW	TPTV	Đài PTTH	TTB	2018-2020	2079/QĐ-UBND 31/10/2017	7.989	7.989	6.500		6.500	
3	Nâng cấp bảo dưỡng tháp anten và hệ thống truyền dẫn phát sóng	TPTV	Đài PTTH	Cấp IV	2018-2020	313/QĐ-SKHĐT 30/10/2017	4.992	4.992	4.200		4.200	
4	Khu di tích lịch sử nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Trà Vinh.	Càng Long	Sở VH TTDL	cấp III	2018-2017	314/QĐ-SKHĐT 30/10/2017	2.367	2.367	2.200		2.200	
5	Cải tạo Đoàn nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh	TPTV	Sở VH TTDL	cấp IV	2018-2019	311/QĐ-SKHĐT 30/10/2017	1.987	1.987	1.800		1.800	
6	Trung tâm Sinh hoạt thanh thiếu nhi tỉnh Trà Vinh	TPTV	Trung tâm Sinh hoạt thanh thiếu nhi tỉnh Trà Vinh	cấp III	2018-2020	2082/QĐ-UBND 31/10/2017	28.000	28.000	25.000		10.000	
7	Nạo vét hệ thống kênh trục và xây dựng công trình điều tiết trên kênh, tỉnh Trà Vinh phục vụ sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Trà Cú	Sở NNPTNT	Công trình thủy lợi, cấp III	2017-2020		699.505	199.505	87.560		87.560	(Đối ứng vốn NSTW)
8	Nâng cấp hệ thống kênh trục và nâng cấp mở rộng các trạm cấp nước sạch khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp, tỉnh Trà Vinh	trên địa bàn tỉnh	Sở NNPTNT	cấp III	2017-2020	811/QĐ-UBND 17/5/2017; 2080/QĐ-UBND, 31/10/2017	200.000	20.000	20.000		20.000	NST đối ứng giải phóng mặt bằng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
9	Hạ tầng thiết yếu phục vụ vùng sản xuất cây ăn trái tập trung 02 huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 1)	Càng Long, Châu Thành, TPTV	Sở GTVT	Công trình giao thông	2017-2020	2064/QĐ-UBND, 30/10/2017	459.642	259.642	130.000		80.000	Đổi ứng vốn NSTW	
10	Đường giao thông nối liền xã Tân Hùng đến xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần (Giai đoạn 2)	Tiểu Cần	Sở GTVT	công trình hạ tầng giao thông	2018-2020	2070/QĐ-UBND 31/10/2017	31.935	31.935	32.000		15.000		
11	Đường đến xã An Trường - An Trường A, huyện Càng Long	Càng Long	Sở GTVT	công trình hạ tầng giao thông	2018-2020	2072/QĐ-UBND 31/10/2017	30.455	30.455	30.455		15.000		
12	Đường liên xã Tam Ngãi - Thông Hòa, huyện Cầu Kè	Cầu Kè	Sở GTVT	công trình hạ tầng giao thông	2018-2020	2075/QĐ-UBND 31/10/2017	15.000	15.000	15.000		10.000		
13	Xử lý ô nhiễm môi trường Bãi rác thành phố Trà Vinh (xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng Bãi rác Hợp tác xã Trà Vinh, phụ lục 2 Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg)	TPTV	Sở TNMT	cấp III	2016-2020	2020/QĐ-UBND 26/10/2017	79.384	39.692	25.000		2.000	Đổi ứng vốn TW (NST 50% tổng mức đầu tư gồm vốn ĐTPT và vốn sự nghiệp)	
14	<i>Đổi ứng dự án Xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thuộc Dự án Quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) vốn WB</i>							11.676	11.676	35.000	-	10.800	Công văn số 2666/UBND-CNXD ngày 20/8/2015
-	Đường dẫn vào cầu để kết nối vào dự án LRAMP (dự án thành phần 4)	Tiểu Cần	Sở GTVT	GTNT	2018-2020	306/QĐ-SKHĐT 30/10/2017	1.400	1.400			1.300		
-	Đường dẫn vào cầu để kết nối vào dự án LRAMP (dự án thành phần 5)	Càng Long, TPTV	Sở GTVT	GTNT	2018-2020	307/QĐ-SKHĐT 30/10/2017	4.876	4.876			4.500		
-	Đường dẫn vào cầu để kết nối vào dự án LRAMP (dự án thành phần 6)	Duyên Hải, Cầu Ngang	Sở GTVT	GTNT	2018-2020	2071/QĐ-UBND 31/10/2017	5.400	5.400			5.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
15	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện đầu tư trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn (24 xã)										24.000	Hỗ trợ các xã theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017
15.1	Huyện Cầu Ngang										8.000	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016
-	Xã Hiệp Hòa										1.000	
-	Xã Trường Thọ										1.000	
-	Xã Mỹ Hòa										1.000	
-	Xã Kim Hòa										1.000	
-	Xã Thạnh Hòa Sơn										1.000	
-	Xã Thuận Hòa										1.000	
-	Xã Long Sơn										1.000	
-	Xã Nhị Trường										1.000	
15.2	Huyện Châu Thành										4.000	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016
-	Xã Nguyệt Hóa										1.000	
-	Xã Mỹ Chánh										1.000	
-	Xã Song Lộc										1.000	
-	Xã Đa Lộc										1.000	
15.3	Huyện Duyên Hải										3.000	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016
-	Xã Ngũ Lạc										1.000	
-	Xã Đôn Châu										1.000	
-	Xã Đôn Xuân										1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
15.4	Huyện Trà Cú										9.000	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016
-	Xã Phước Hưng										1.000	
-	Xã Tân Hiệp										1.000	
-	Xã Đại An										1.000	
-	Xã Hàm Giang										1.000	
-	Xã Ngọc Biên										1.000	
-	Xã An Quảng Hữu										1.000	
-	Xã Long Hiệp										1.000	
-	Xã Thanh Sơn										1.000	
-	Xã Ngãi Xuyên										1.000	
(3)	Dự phòng đầu tư các dự án cấp bách, ứng phó biến đổi khí hậu, các dự án hoàn thành thiếu vốn thanh toán										53.750	

Ghi chú:

- Nguồn thu XSKT: Lĩnh vực Y tế + Giáo dục, Đào tạo và Dạy nghề, tối thiểu chiếm 50% tổng KH vốn 2018; Chương trình nông thôn mới, tối thiểu chiếm 10% tổng KH vốn 2018; Phần còn lại đầu tư cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP.

- Tỷ lệ vốn bố trí cho các ngành, lĩnh vực áp dụng theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 11 Thông tư số 91/2016/TT-BTC ngày 24/6/2016 của Bộ Tài chính



PHỤ LỤC 02

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018
(NGUỒN VƯỢT THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT NĂM 2016)**

Kèm theo Nghị quyết số: 62/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017	Dự kiến Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TỔNG SỐ							1.653.200	253.200	206.795	2.000	206.795	
I	Lĩnh vực Y tế						1.653.200	253.200	120.700	2.000	120.700	
	Dự án khởi công mới năm 2018						1.653.200	253.200	120.700	2.000	120.700	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh	TPTV	Sở Y tế	700 giường bệnh	2017-2020	1781/QĐ-UBND 26/9/2017	1.600.000	200.000	67.500	2.000	67.500	KHHTH không bao gồm vốn TPCP và nguồn vốn khác
2	Trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản Nhi và Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	TPTV, Châu Thành	Sở Y tế	TTB	2017-2019	2077/QĐ-UBND 31/10/2017	53.200	53.200	53.200		53.200	
II	Phúc lợi - Xã hội						-	-	86.095	-	86.095	
	Đổi ứng vốn ngân sách Trung ương thực hiện Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg	Trên địa bàn tỉnh		10458 căn (Xây mới 6.761 căn; sửa chữa 3.697 căn)					86.095		86.095	Giao Sở Xây dựng đề xuất phân bổ chi tiết (KHHTH không bao gồm vốn NSTW)

Ghi chú: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 10 triệu đồng/01 căn xây mới và 05 triệu đồng/01 căn sửa chữa

(Handwritten signature and number 17)